

Số: 03 /2022/NQ-HDND

Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;*



Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ.

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của công tác viên dân số;

Thực hiện Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số 1744/TTr-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc trình dự thảo Nghị quyết Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 47/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; bãi bỏ quy định hỗ trợ cộng tác viên hoạt động công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở thôn, tổ dân phố tại khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 02/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy định chế độ, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khoá IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận: *pll*

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính, Bộ LĐTB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh,
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CT HĐND, DN, HSKH.

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**



## QUY ĐỊNH

Chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách, một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Nghị quyết số: 03/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); ở thôn, buôn, bon, bản (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở cấp xã, thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### Chương II CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ

#### Mục 1 NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm:
  - Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã;
  - Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ;
  - Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hoá;
  - Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy;
  - Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy;
  - Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- g) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- h) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- i) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- k) Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ;
- l) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- m) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- n) Nhân viên thú y.

2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí theo phân loại đơn vị hành chính, gồm:

- a) Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 14 người.
- b) Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 12 người.
- c) Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 10 người.

3. Mức phụ cấp hàng tháng như sau:

a) Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ: Mức phụ cấp bằng hệ số 2,0 so với mức lương cơ sở.

b) Cán bộ Đài truyền thanh - Quản lý Nhà văn hoá, Cán bộ Văn phòng - Tuyên giáo Đảng ủy, Cán bộ Tổ chức - Kiểm tra Đảng ủy: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,6 so với mức lương cơ sở.

c) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Người cao tuổi, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở.

d) Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Nhân viên thú y: Mức phụ cấp bằng hệ số 1,1 so với mức lương cơ sở.

đ) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Thực hiện theo Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Khoản quỹ phụ cấp:

Ngân sách nhà nước thực hiện khoản quỹ phụ cấp hàng tháng cho Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả hàng tháng cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định phân loại đơn vị hành chính cấp xã như sau:

- a) Cấp xã loại 1: Mức khoán là 24,77 mức lương cơ sở/xã/tháng;
- b) Cấp xã loại 2: Mức khoán là 21,62 mức lương cơ sở/xã/tháng;
- c) Cấp xã loại 3: Mức khoán là 21,06 mức lương cơ sở/xã/tháng.

Mức khoán trên bao gồm phụ cấp hàng tháng, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ cấp kiêm nhiệm để chi trả hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.



Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức phụ cấp hàng tháng quy định tại khoản 3 nêu trên, mức phụ cấp kiêm nhiệm quy định tại Điều 9 của Quy định này và mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định để thực hiện chế độ, chính sách cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

## **Mục 2**

### **CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ**

**Điều 4. Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với các chức danh bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn**

1. Trưởng Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.
2. Phó Ban bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,45 so với mức lương cơ sở.
3. Tổ trưởng Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,4 so với mức lương cơ sở.
4. Tổ phó Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,35 so với mức lương cơ sở.
5. Tổ viên Tổ bảo vệ dân phố: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.

## **Chương III**

### **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

**Điều 5. Quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố và mức bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp vào công việc của thôn, tổ dân phố**

1. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:
  - a) Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố: Đối với thôn, có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,2 so với mức lương cơ sở. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở.
  - b) Trưởng Ban công tác mặt trận: Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 1,0 so với mức lương cơ sở. Đối với thôn, tổ dân phố còn lại hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở.

2. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được khoán hàng tháng cụ thể như sau:

a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới:

Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn: Bồi dưỡng 600.000 đồng/người/tháng.

Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn: Bồi dưỡng 350.000 đồng/người/tháng.

Phó trưởng Ban công tác mặt trận và Phó Chi hội các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ ở thôn: Bồi dưỡng 200.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại

Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 500.000 đồng/người/tháng.

Chi hội trưởng các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên hiệp phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 300.000 đồng/người/tháng.

Phó trưởng Ban công tác mặt trận và Phó Chi hội các đoàn thể: Nông dân, Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên, Phụ nữ ở thôn, tổ dân phố: Bồi dưỡng 150.000 đồng/người/tháng.

3. Ngân sách nhà nước thực hiện khoán kinh phí để chi trả phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 1 nêu trên và bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại khoản 2 nêu trên như sau:

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới: Mức khoán bằng 5,82 lần mức lương cơ sở/thôn.

b) Thôn, tổ dân phố còn lại: Mức khoán bằng 4,78 lần mức lương cơ sở/thôn, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ mức khoán tại khoản 3 này để chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; chi bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và chi chế độ kiêm nhiệm theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

#### **Điều 6. Quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với công an viên ở thôn**

1. Mỗi thôn được bố trí 01 công an viên.

2. Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.



**Điều 7. Quy định số lượng và mức phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố**

1. Số lượng: Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí 01 nhân viên y tế.

2. Mức phụ cấp hàng tháng:

a) Nhân viên y tế ở thôn: Thực hiện theo Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn.

b) Nhân viên y tế ở tổ dân phố: Mức phụ cấp hàng tháng bằng hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.

**Điều 8. Quy định số lượng và mức bồi dưỡng hàng tháng đối với cộng tác viên dân số ở thôn, tổ dân phố**

1. Số lượng:

a) Thôn được bố trí 02 cộng tác viên dân số đáp ứng 01 trong các tiêu chí sau: Thôn có từ 350 hộ trở lên; thôn đặc biệt khó khăn; thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự; thôn thuộc xã biên giới; thôn có từ 50% số hộ dân tộc thiểu số trở lên.

b) Các Thôn còn lại và các Tổ dân phố bố trí 01 cộng tác viên dân số.

2. Mức bồi dưỡng: 300.000 đồng/người/tháng.

**Chương IV**

**CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ; Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

**Điều 9. Chế độ kiêm nhiệm**

1. Khuyến khích bố trí kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho cán bộ cơ sở.

2. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm là 90% của mức phụ cấp hoặc là mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm đó.

3. Người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách hoặc đối tượng khác công tác ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Mức phụ cấp khi kiêm nhiệm 01 chức danh bằng 90% mức phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm đó. Nếu kiêm nhiệm 02 chức danh thì được hưởng 90% mức phụ cấp hoặc mức bồi dưỡng của từng chức danh kiêm nhiệm đó.



**Điều 10. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc**

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã khi nghỉ việc nếu có thời gian công tác liên tục từ 12 tháng trở lên (trường hợp ngắt quãng quá trình công tác được cộng dồn), có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo Bảo hiểm xã hội*).

Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bị kỷ luật hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được nhận chế độ hỗ trợ này.

2. Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ mà không bố trí được công tác khác, khi nghỉ việc nếu có thời gian công tác liên tục từ 12 tháng trở lên (trường hợp ngắt quãng quá trình công tác được cộng dồn), có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 lần mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng (*ngoài hưởng chế độ theo Bảo hiểm xã hội*). Trường hợp bị kỷ luật hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được nhận chế độ hỗ trợ này.

**Điều 11. Khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

1. Mức khoán hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cấp xã: 20.000.000đồng/năm.

2. Mức khoán hoạt động phí của các đoàn thể: Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ở cấp xã: 15.000.000đồng/đoàn thể/năm.

**Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện**

Ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các quy định khác có liên quan.

-----